

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013; Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010; Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 và công tác cai nghiện cho người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi

Thực hiện Công văn số 1331/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 10/5/2021 của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc tổng kết thi hành Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013; Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010; Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 và công tác cai nghiện cho người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 221/2013/NĐ-CP; NGHỊ ĐỊNH SỐ 94/2009/NĐ-CP; NGHỊ ĐỊNH SỐ 94/2010/NĐ-CP; NGHỊ ĐỊNH SỐ 147/2003/NĐ-CP

1. Đánh giá chung

1.1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

- Trong những năm qua công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng ở huyện đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện, huyện đã triển khai cũng như ban nhiều văn bản chỉ đạo sát sao về công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, đưa công tác phòng chống ma túy nói chung, cai nghiện phục hồi cho người nghiện ma túy nói riêng vào các Nghị quyết, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; phát động toàn dân tham gia vận động, giúp đỡ, quản lý, hỗ trợ người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng; đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm.

1.2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Kế hoạch số 406/KH-UBND về kế hoạch phòng, chống mại dâm, cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai năm 2016; Kế hoạch số 741/KH-UBND về kế hoạch tập huấn công tác lập hồ sơ cai đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ; Kế hoạch số 1633/KH-UBND về kế hoạch cai nghiện ma túy và quản lý sau cai năm 2016; Kế hoạch số 405/KH-UBND về kế hoạch cai nghiện ma túy và quản lý sau cai năm 2017; Kế hoạch số 388/KH-UBND về kế hoạch công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng năm 2018; Công văn số

619/UBND-LĐTBOXH về việc triển khai xây dựng mô hình cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; Công văn số 1370/UBND-LĐTBOXH về việc triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2018; Kế hoạch số 2361/KH-UBND Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới; Kế hoạch số 332/KH-UBND về Kế hoạch công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng năm 2019; Công văn số 1272/UBND-LĐTBOXH về việc triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2019; Kế hoạch số 456/KH-UBND về kế hoạch công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng năm 2020.

1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn

Ban chỉ đạo huyện đã chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền từ huyện đến cơ sở tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm với nhiều hoạt động thiết thực, phong phú.

Thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống ma túy, mại dâm đến từng hộ gia đình, từng người dân để mọi người nhận thức đầy đủ tác hại, hậu quả của tệ nạn ma túy, từ đó chủ động phòng ngừa tệ nạn ma túy.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội tổ chức truyền thông nâng cao năng lực tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn xã hội, xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn xã hội tại 05 điểm trường THPT trên địa bàn với 4.500 học sinh, các thầy, cô tham gia, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, người thân của người nghiện ma túy tại xã Đồng Lợi với 60 đại biểu tham gia.

2. Kết quả thực hiện Nghị định số 221/2013/NĐ-CP; Nghị định số 94/2009/NĐ-CP; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP; Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và công tác cai nghiện cho người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi

- Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: trình tự, thủ tục lập hồ sơ; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

+ Khi phát hiện người sử dụng ma túy trái phép, Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm lập biên bản về hành vi sử dụng ma túy trái phép của người đó và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp cá nhân, tổ chức phát hiện người sử dụng ma túy trái phép thì báo cho cơ quan Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm để lập biên bản và xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ:

+ Trường hợp người vi phạm cư trú tại xã, thị trấn nơi xảy ra vi phạm và đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP;

+ Trường hợp người vi phạm có nơi cư trú không thuộc xã, thị trấn nơi xảy ra vi phạm thì bàn giao người và biên bản vi phạm cho cơ quan Công an cấp xã nơi

người vi phạm cư trú để tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản, mỗi bên giữ một bản;

+ Trường hợp chưa xác định được nơi cư trú ổn định của người vi phạm, thì tiến hành xác định nơi cư trú ổn định của người đó. Trong thời gian 15 ngày làm việc, nếu xác định được nơi cư trú ổn định thì thực hiện theo Điểm a hoặc Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP; nếu không xác định được nơi cư trú ổn định thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ vi phạm pháp luật, cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh phát hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép hoặc dấu hiệu nghiện ma túy của người vi phạm thì tiến hành lập biên bản, xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với người đó:

+ Trường hợp người vi phạm thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP. Hồ sơ được gửi cho phòng Tư pháp cấp huyện nơi người đó cư trú.

+ Trường hợp người vi phạm thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP. Hồ sơ được gửi cho phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở.

- Tổ chức thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: tổng số đối tượng đã lập hồ sơ đề nghị; tổng số đối tượng đã áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đưa người đi thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Việc đưa người chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được lập thành biên bản, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, bản hoặc tương đương nơi người phải chấp hành quyết định cư trú. Biên bản được lập thành 03 bản, một bản gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định, một bản gửi cơ quan lập hồ sơ và một bản lưu tại cơ quan công an cấp huyện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

+ Kết quả lập hồ sơ đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc các năm: năm 2013: 06 hồ sơ; năm 2014: 03 hồ sơ; năm 2015: 03 hồ sơ; năm 2016: 08 hồ sơ; năm 2017: 18 hồ sơ; năm 2018: 13 hồ sơ; năm 2019: 26 hồ sơ; năm 2020 là 15 hồ sơ.

- Việc đưa người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy. Trường hợp chưa xác định được nơi cư trú ổn định của người vi phạm, thì tiến hành xác định nơi cư trú ổn định của người đó. Trong thời gian 15 ngày làm việc, nếu xác định được nơi cư trú ổn định thì thực hiện theo Điểm a hoặc Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP; nếu không xác định được nơi cư trú ổn định thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Thực hiện các quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (tự nguyện và bắt buộc).

- Các xã, thị trấn đã thành lập tổ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, tổ số tổ cai nghiện 34/34 xã, thị trấn.

- Các tổ cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng đã xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ, tổ chức xác định người nghiện và lập hồ sơ cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng và cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

- Người nghiện ma túy được khuyến khích tự nguyện khai báo tình trạng nghiện ma túy và đăng ký hình thức cai nghiện tại gia đình hoặc tại cộng đồng. Gia đình và người nghiện có trách nhiệm tham gia các hoạt động tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng. Thời gian cai nghiện là từ 6-12 tháng, địa điểm cắt cơn chủ yếu là cai nghiện tại gia đình.

- UBND các xã, thị trấn đứng ra tổ chức công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng bao gồm các hoạt động chính như: Thành lập Tổ công tác cai nghiện ma túy; tư vấn, hỗ trợ, quản lý, giáo dục người cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; khuyến khích người nghiện tham gia các câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao của xã giúp người cai nghiện phục hồi sức khỏe, nhân cách và hòa nhập cộng đồng; tạo điều kiện cho người sau cai nghiện được học nghề và tìm việc làm.

- Thực hiện các quy định về công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

Các trường hợp sau cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và những trường hợp trở về từ các cơ sở cai nghiện đã được chính quyền địa phương như:

+ Theo dõi, giám sát, hướng dẫn người sau cai nghiện cách ly môi trường ma túy; tư vấn, giúp đỡ cho họ tham gia các loại hình sinh hoạt câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào hoạt động xã hội tại địa phương nhằm xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, xây dựng khu dân cư không còn tệ nạn ma túy.

+ Quản lý về tạm vắng, tạm trú đối với người sau cai nghiện. Tư vấn học nghề, giải quyết việc làm. Tuy nhiên những trường hợp này không về địa phương

mà đi nơi khác để làm ăn, số còn lại tại địa phương do không làm chủ được bản thân nhiều đối tượng đã quay lại con đường ma túy.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Những khó khăn, bất cập, vướng mắc của từng hoạt động

Kết quả công tác cai nghiện tại gia đình trong những năm qua nhìn chung chưa được như mong muốn và thiếu sự bền vững, tỷ lệ tái nghiện cao. Hoạt động cai nghiện ở nhiều xã chủ yếu ra quyết định và tập trung vào cắt cơn giải độc, chưa đánh giá nhu cầu và lập kế hoạch cai nghiện cho từng người, các hoạt động hỗ trợ sau cai nghiện chưa được chú trọng, Tổ công tác hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, thiếu phương pháp và cách tiếp cận để tạo sự tham gia của người nghiện trong các hoạt động phục hồi.

Quá trình rà soát, thống kê, tập hợp số liệu người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý vô cùng khó khăn, nguyên nhân là do người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định, vắng mặt khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nhất là những người nghiện ma túy đi làm ăn ở các tỉnh khác đã gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý người cai nghiện ma túy.

Cơ sở vật chất tại trạm y tế các xã, thị trấn không đủ điều kiện để thực hiện điều trị cắt cơn và quản lý người nghiện ma túy.

2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

- Chính sách hỗ trợ chưa phù hợp: Các chế độ hỗ trợ chi phí cho cai nghiện tại gia đình còn hạn chế mới chỉ đáp ứng một phần giai đoạn cắt cơn, giải độc và giới hạn trong diện gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo nên ít người được hỗ trợ. Cơ sở vật chất hầu như chưa được đầu tư, chỉ dựa vào trạm y tế xã. Công tác dạy nghề và tạo việc làm cho riêng người nghiện hầu như chưa có.

- Từ huyện đến xã không có bộ phận chuyên trách thực hiện công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, chủ yếu là kiêm nhiệm. Cán bộ y tế xã chuyên môn kỹ thuật còn hạn chế. Cán bộ chính quyền, đoàn thể chưa được tập huấn về kỹ năng vận động, tư vấn.

- Gia đình người nghiện đóng vai trò then chốt nhưng đa số không có kiến thức về ma túy và cai nghiện ma túy không được hướng dẫn các kỹ năng giúp đỡ, động viên con em mình cai nghiện và dự phòng tái nghiện nên ngoài tình yêu thương họ hầu như chẳng có biện pháp gì có thể giúp con em mình đoạn tuyệt với ma túy. Mặt khác vì bận mưu sinh nhiều gia đình đã không thể giám sát hỗ trợ người nghiện trong quá trình cai nghiện và quản lý sau cai.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

- Hỗ trợ kinh phí cho công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác phòng, chống ma túy và cai nghiện ma túy; hỗ trợ kinh phí cho Đội công tác xã hội tình nguyện.

- Hỗ trợ kinh phí trong việc xây dựng các mô hình, đề án như: “Xây dựng xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy”; “Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư”; “ Không có tội phạm và tệ nạn xã hội” và gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

- Đề nghị xem xét hỗ trợ điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí và tập huấn năng lực điều trị cho cán bộ y tế ở cấp xã; thực hiện các chế độ hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ y tế cấp xã trong việc thực hiện cai nghiện tại gia đình và cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động -TBXH (báo cáo);
- TTr Huyện ủy, TTr H ĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo 138 huyện;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Trung

Phụ lục 1
BIỂU THỐNG KÊ SỐ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

| STT | Văn bản | Số, ký hiệu | Ngày, tháng, năm | Trích yếu |
|------------|----------------|----------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Kế hoạch | Số 406/KH-UBND | 14/3/2016 | Về Kế hoạch phòng, chống mại dâm, cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai năm 2016 |
| 2 | Kế hoạch | Số 741/KH-UBND | 20/4/2016 | Về Kế hoạch tập huấn công tác lập hồ sơ cai đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ; |
| 3 | Kế hoạch | Số 1633/KH-UBND | 26/8/2016 | Về Kế hoạch cai nghiện ma túy và quản lý sau cai năm 2016, |
| 4 | Kế hoạch | số 405/KH-UBND | 10/3/2017 | về kế hoạch cai nghiện ma túy và quản lý sau cai năm 2017 |
| 5 | Kế hoạch | Số 388/KH-UBND | 02/3/2018 | Về Kế hoạch công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng năm 2018 |
| 6 | Công văn số | Số 619/UBND-LĐT BXH | 05/4/2018 | Về việc triển khai xây dựng mô hình cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, |
| 7 | Công văn | Số 1370/UBND-LĐT BXH | 06/6/2018 | Về việc triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2018, |
| 8 | Kế hoạch | Số 2361/KH-UBND | 01/10/2018 | Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 25/CT- |

| | | | | |
|----|----------|----------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | | TTg ngày 05/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới |
| 9 | Kế hoạch | Số 332/KH-UBND | 27/02/2019 | Về Kế hoạch công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng năm 2019 |
| 10 | Công văn | Số 1272/UBND-LĐT BXH | 12/6/2019 | Về việc triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2019 |
| 11 | Kế hoạch | Số 456/KH-UBND | 27/05/2020 | Về Kế hoạch công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng năm 2020 |

Phụ lục 2
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU CAI NGHIỆN
TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

| STT | Năm Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 6 tháng đầu năm 2020 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|------|------|------|------|----------------------------------|
| 1 | Tổ công tác cai nghiện | | | | | | |
| | - Số tổ được thành lập | tổ | 36 | 36 | 36 | 34 | 34 |
| | - Số tổ đang hoạt động | tổ | 36 | 36 | 36 | 34 | 34 |
| | - Số cán bộ tham gia | người | 204 | 204 | 204 | 198 | 198 |
| | - Số người khai báo, đăng ký cai nghiện tại gia đình, cộng đồng | người | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | |
| | + Số người đăng ký cai nghiện tại cộng đồng | người | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | + Số người đăng ký cai nghiện tại gia đình | người | 0 | 0 | 14 | 0 | 0 |
| | - Số người được cai nghiện | người | 11 | 18 | 27 | 26 | 9 |

| | | | | | | | |
|---|---------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----|-----|-----|-----|
| | Trong đó: | | | | | | |
| | + Số người được cai nghiện tại cộng đồng | người | 8 | 18 | 13 | 26 | 9 |
| | + Số người được cai nghiện tại gia đình | người | 3 | 0 | 14 | 0 | 0 |
| | - Số người được cấp giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện | người | 3 | 0 | 14 | 0 | 0 |
| 2 | Điểm tư vấn | | | | | | |
| | - Số điểm được thành lập | điểm | | | | | |
| | + Trụ sở đặt tại Trạm y tế | điểm | 36 | 36 | 36 | 34 | 34 |
| | + Trụ sở đặt tại Nhà văn hóa | điểm | | | | | |
| | + Trụ sở đặt tại địa điểm khác | điểm | | | | | |
| | - Số điểm đang hoạt động | điểm | 36 | 36 | 36 | 34 | 34 |
| | - Số cán bộ tham gia | người | 207 | 207 | 207 | 201 | 201 |
| | + Y tế | người | 36 | 36 | 36 | 34 | 34 |
| | + Lao động - Thương binh và Xã hội | người | 37 | 37 | 37 | 35 | 35 |
| | + Công an | người | 39 | 39 | 39 | 36 | 36 |
| | + Tình nguyện viên | người | 96 | 96 | 96 | 96 | 96 |
| | + Khác | người | | | | | |
| | - Số người được tư vấn | lượt người | 250 | 265 | 270 | 282 | 150 |
| 3 | Số người cai nghiện ma túy được hỗ trợ đào tạo nghề | người | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Số người cai nghiện ma túy được tạo việc làm | người | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Số được vay vốn | người | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Số vốn được vay | đồng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Số người điều trị thay thế bằng Methadone | người | 23 | 23 | 26 | 26 | 26 |

Phụ lục 3

BIỂU THỐNG KÊ KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC CẢI NGHIỆN

Đơn vị tính: triệu
đồng

| STT | Năm Chỉ tiêu | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 6 tháng đầu 2020 |
|-------------------------|------------------------------------------|------|------|------|------|------------------------|
| I. Tại cộng đồng | | | | | | |
| 1 | Tổng kinh phí | | | | | |
| | - Kinh phí Trung ương | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Kinh phí địa phương | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Nội dung chi | | | | | |
| | - Lập hồ sơ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Hoạt động của tổ công tác cải thiện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Hỗ trợ đối tượng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |